

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC ĐẠI LỢI - PDL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC ĐẠI LỢI - PDL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC DAI LOI - PDL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUC DAI LOI - PDL .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109183714

3. Ngày thành lập: 14/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2 tòa nhà 21B5 KĐT Green Star - 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912803468

Fax:

Email: hongvinashina@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây ăn quả	0121
2.	Trồng cây lâu năm khác	0129
3.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
4.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Chăm sóc và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
8.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
9.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
12.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Xây dựng công trình thủy	4291
17.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
18.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Bốc xếp hàng hóa	5224
27.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
30.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32.	Đại lý du lịch	7911
33.	Điều hành tua du lịch	7912
34.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
35.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
36.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
38.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
39.	Dịch vụ đóng gói	8292
40.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các dịch vụ thể thao	9311
41.	Hoạt động thể thao khác	9319
42.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
43.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
44.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
45.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
46.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
47.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;	0118
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
62.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820(Chính)
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì: + Công viên và vườn cho: + Nhà riêng và công cộng; + Công trình công cộng và bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...); + Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh....); + Cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng); + Tòa nhà công nghiệp và thương mại; - Trồng cây xanh cho: + Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà) + Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf) + Trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng	8130
64.	Phá dỡ	4311
65.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
67.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
68.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng Chi tiết: Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9102
69.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỦY TIÊN	Số 5 ngõ 155, phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	2311960000 12	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN THỊ LIỄU	Nhà 1 ngách 5/114 tổ 24, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	70,000	0401710001 14	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	70,000		

3	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nhà 1 ngách 5/114 tổ 27, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	3,000	012318466
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	3,000	
4	PHẠM THANH HỒNG	Thôn Thụy Lũng Tây, Xã Quốc Tuấn, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	2,000	151284579
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	2,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THANH HỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/05/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151284579

Ngày cấp: 23/04/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thụy Lũng Tây, Xã Quốc Tuấn, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P2303ĐN1-T1-Thăng Long Victory, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội